

agree

estar de acuerdo

être d'accord

意見一致

đồng ý

동의함

እስማማሉ

agree

estar de acuerdo

être d'accord

意見一致

đồng ý

동의함

እስማማሉ

disagree

estar en desacuerdo

être en disaccord

不一致,不符

không đồng ý

동의안함

አልስማማም

disagree

estar en desacuerdo

être en disaccord

不一致,不符

không đồng ý

동의안함

አልስማማም